

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 782/2022/HC-PT
Ngày: 21 - 9 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Phan Nhựt Bình
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Hoàng Thanh Dũng Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số: 259/2022/TLPT-HC ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2022/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1636/2022/QĐPT-HC ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Thông báo số 23/TB-TA ngày 26 tháng 8 năm 2022 V/v thay đổi thời gian và địa điểm xét xử, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (có mặt tại điểm cầu thành phần)

Địa chỉ: Khu phố T 2, phường Tân B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở: Khu 134, ấp 2, xã Đ, huyện P, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Trần Hồng B -

Công ty Luật TNHH Một thành viên P1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại điểm cầu thành phần).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Phú Riêng Đ1, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ: Ông Phạm Ngọc H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt tại điểm cầu thành phần).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 6 tháng 1, phường P, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Võ Đức T - Phó Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (có mặt tại điểm cầu thành phần).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Phương N, chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 07/6/2021, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Trần Hồng B thống nhất trình bày:

Bà Lê Thị N (sinh năm: 1944, mất ngày 07/02/2013) và ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm: 1942, mất ngày 17/11/1989) là cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị H. Năm 1987, gia đình bà H có khai phá thửa đất khoảng 740m², tọa lạc tại Khu phố T2, phường X, thuộc thị trấn Đ (nay là thành phố Đ). Từ đó, gia đình bà H xây dựng nhà lên để có nơi cư trú, sinh sống. Năm 1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2023 và Quyết định số 2024 phê duyệt phương án đền bù, giải tỏa khu vực quy hoạch thị xã Đ. Đến năm 2010, Ủy ban nhân dân thị xã Đ quyết định thu hồi phần đất của gia đình bà H, để xây dựng Trường tiểu học Tân Trà (nay là Trường tiểu học Tân Xuân B). Và gia đình bà

H được bồi thường và giao 01 nền tái định cư lô số 20, cụm J2-24 tại khu tái định cư Trung tâm hành chính của tỉnh Bình Phước.

Do gia đình bà H lúc này rất khó khăn, đông con (09 người con), không đủ chỗ ở, nên bà Lê Thị N làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường X và Ủy ban nhân dân thị xã Đ xin xem xét bán thêm cho gia đình bà N 01 nền tái định cư. Ngày 29/01/2010, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Công văn số 83/UBND/KT về việc đồng ý giải quyết chính sách tái định cư và hỗ trợ di dời cho hộ bà Lê Thị N cư ngụ tại khu phố Tân Trà, phường X. Ngày 17/3/2010, Ủy ban nhân dân phường X có tờ trình số 05 gửi Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc đồng ý giải quyết bán cho hộ bà N 01 nền tái định cư nữa. Ngày 12/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Thông báo số 56 đồng ý theo Tờ trình số 05 của Ủy ban nhân dân phường X, thống nhất, đồng ý và đề nghị Hội đồng xét duyệt Tái định cư xem xét bán cho bà N 02 lô Tái định cư. Ngày 27/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X ban hành Thông báo số 79 đồng ý theo kết luận Thông báo số 56 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ và chỉ đạo cán bộ địa chính triển khai thực hiện đúng theo kết luận số 56 này. Ngày 26/01/2011, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Công văn số 83/UBND-KT đồng ý giải quyết đất tái định cư và hỗ trợ di dời cho hộ bà Lê Thị N.

Ngày 02/3/2011, Ủy ban nhân dân phường X ban hành tờ trình số 11/TTr-UBND trình Hội đồng xét duyệt đất Tái định cư Thị xã Đồng Xoài chấp thuận bán thêm cho hộ bà N 01 lô đất Tái định cư tại khu Tái định cư mở rộng Trung tâm hành chính của tỉnh và mức hỗ trợ di dời cho hộ bà N, cụ thể như sau:

+ Về vị trí lô đất: Lô số 21, cụm J2-24, diện tích: $10,5\text{m} \times 24\text{m} = 252\text{m}^2$.

+ Về mức hỗ trợ di dời: Ủy ban nhân dân phường X thống nhất với Phòng Giáo dục – Đào tạo Thị xã áp dụng theo Quyết định số 2023 – 2024/QĐ-UBND ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

- Trợ cấp di dời các hộ bị giải tỏa: 1.000.000 đồng/hộ.

- Trợ cấp đời sống và đào tạo nghề nghiệp đối với người có hộ khẩu thường trú tại căn nhà phải di dời là: 500.000 đồng/khẩu (Gia đình bà N gồm 04 khẩu \times 500.000 đồng = 2.000.000 đồng). Tổng cộng = 3.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2011, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Công văn số 1014/UBND-KT đồng ý giải quyết đất tái định cư và hỗ trợ di dời cho hộ bà Lê Thị N như Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 02/3/2011 của Ủy ban nhân dân phường X. Ngày 02/7/2012, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND về việc giao đất Tái định cư cho hộ bà Lê Thị N thuộc dự án quy hoạch Trường tiểu học Tân Trà (nay là Trường tiểu học Tân Xuân B),

phường X tại khu tái định cư mở rộng Trung tâm tỉnh lỵ - phường Tân Phú, cụ thể như sau: Lô số 21, cụm J2-24, diện tích $10,5\text{m} \times 24\text{m} = 252\text{m}^2$, thu tiền sử dụng đất theo đơn giá quy định tại Quyết định số 2023 và 2024 ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 28/01/2013, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ra Thông báo số 32/TB-UB về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tại cuộc họp nghe Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh đơn của bà Lê Thị N. Sau đó, ngày 01/02/2013, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND về việc giao đất Tái định cư cho hộ bà Lê Thị N thay thế Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012, thu tiền sử dụng đất theo đơn giá quy định hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

Tiếp đến, hộ gia đình bà N tiến hành trích lục bản đồ vị trí thửa đất, lập các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân phường X giao đất trên thực địa và ngày 31/12/2014 hộ gia đình bà N nhận Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, nhận Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất. Do thời điểm này bà N bị bệnh chết, anh em trong gia đình có nhiều mâu thuẫn, hoàn cảnh khó khăn nên chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng hạn.

Mãi đến ngày 14/11/2018, anh em trong gia đình mới họp lại (có Biên bản họp gia đình), thống nhất giao phần di sản thừa kế là lô đất số 21 cho bà H toàn quyền quyết định. Ngày 29/01/2019, anh em trong gia đình bà H ra Văn phòng Công chứng Bình Phước lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản hộ gia đình. Sau đó, bà H có nghĩa vụ trả phần giá trị cho các anh chị em trong gia đình mỗi người 200.000.000 đồng.

Sau đó, bà H có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đ và các cơ quan chức năng cho xin trích lục hồ sơ cấp nền tái định cư cho bà N và cho biết thông tin nộp tiền sử dụng đất, thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N như thế nào? Nên ngày 08/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ – Ông Lê Trường Sơn ra Thông báo số 11 kết luận về buổi tiếp công dân định kỳ ngày 03/01/2019 về việc giải quyết yêu cầu của bà H và giao trách nhiệm cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Chi cục thuế thành phố, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố kiểm tra, xác định vị trí lô đất, xác định nghĩa vụ thuế, hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận và sao lục hồ sơ cho bà H, báo cáo về Ủy ban thành phố Đ trước ngày 20/01/2019. Do đó, ngày 21/02/2019, Chi cục thuế thành phố Đ ban hành Công văn số 501/CCT-TBạ gửi cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP. Đ để đề nghị lập Phiếu chuyển thông tin địa chính cho bà H. Vì căn cứ Điều 43 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày

06/11/2013 của Bộ Tài chính quy định về người hưởng thừa kế tiếp tục thực hiện nghĩa nộp vụ thuế của người chết để lại di sản, nhằm sớm hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bà H. Ngày 23/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ – ông Lê Trường S ban hành Thông báo số 312 kết luận cuộc họp ngày 18/4/2019 về việc giải quyết yêu cầu của bà H và chỉ đạo các phòng ban phối hợp, kiểm tra tính pháp lý về văn bản thừa kế, nếu hợp pháp thì hướng dẫn bà H hoàn tất thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, sau đó có Đơn tố cáo nặc danh, tố cáo ông Nguyễn Văn D nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X, nên ngày 11/6/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra Quyết định số 1318/QĐ-UBND về việc thanh tra việc xét duyệt, giao đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị N. Và ngày 08/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ra kết luận thanh tra số 594/KL-UBND. Ngày 27/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND để thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

Sau đó, bà H gửi Đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ để khiếu nại Quyết định số 1286 ngày 27/4/2020 nói trên và ngày 06/8/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UBND về việc thụ lý đơn khiếu nại và giao nhiệm vụ cho Thanh tra thành phố xác minh. Xét báo cáo số 222/BC-TTr ngày 15/9/2020 của Thanh tra thành phố, nên ngày 07/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3520/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung Đơn khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020. Tiếp tục, bà H gửi Đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước để khiếu nại Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, thì ngày 22/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 725/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung Đơn khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Về nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

- Không công nhận nội dung bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Lý do: Không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Công nhận Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật.

Vì những căn cứ trên, ngày 18/5/2021, bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên hủy các quyết định hành chính như sau, cụ thể:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (tỉnh Bình Phước) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 1578/UBND-NC ngày 19/8/2021, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ và tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phạm Ngọc H1 thống nhất trình bày:

Mẹ bà Nguyễn Thị H là bà Lê Thị N (bà N đã chết năm 2013) sinh sống tại khu đất của trường Tiểu học Tân Trà (nay là trường tiểu học Tân Xuân B). Sau giải tỏa, năm 2010 bà N được Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) giao 01 lô đất tái định cư (TĐC) theo đơn giá chính sách dự án (lô đất TĐC số 20, Cụm J2-24 khu tái định cư Trung tâm hành chính tỉnh), bà Lê Thị N đã nhận đất TĐC và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, bà Lê Thị N được Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao thêm 01 lô đất TĐC trường hợp đặc biệt (lô đất số 21, Cụm J2-24 khu tái định cư Trung tâm hành chính tỉnh) theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012, do Quyết định này sai sót về đơn giá thu tiền sử dụng đất, ngày 01/02/2013 Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban Quyết định số 291/QĐ-UBND điều chỉnh đơn giá tiền sử dụng đất theo giá hiện hành (thay thế Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 nêu trên). Khi bà Lê Thị N chết vẫn chưa thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ và hồ sơ giao đất đã bị thất lạc. Ngày 27/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 nêu trên, lý do: Nhà nước giao đất cho bà Lê Thị N không đúng quy định. Do đó, bà H khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, khôi phục lại quyền hợp pháp của gia đình bà đối với thửa đất số 21, Cụm J2-24.

* Kết quả xác minh, giải quyết nội dung khiếu nại:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 1876-CV/TU ngày 10/5/2019 về việc giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ giải quyết đơn tố cáo nặc danh, tố cáo ông Nguyễn Văn D - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X (hiện là Phó Giám đốc Xí nghiệp Công trình công cộng thành phố Đ) lợi dụng chức vụ quyền hạn, giao đất TĐC cho bà N sai quy định. Ngày 11/6/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1318/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn thanh tra việc xét duyệt, giao đất TĐC cho hộ bà Lê Thị N thuộc diện giải tỏa xây dựng trường tiểu học Tân Trà (nay là trường tiểu học Tân Xuân B). Qua thanh tra, ngày 08/4/2020 Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Kết luận số 594/KL-UBND về việc xét duyệt, giao đất TĐC cho hộ bà N nêu trên, cụ thể như sau:

- Việc xét giao lô đất TĐC số 20 Cụm J2-24:

Hộ bà N lấn chiếm đất của Trường Phổ thông cơ sở Đồng Xoài B (sau này là đất xây dựng Trường Tiểu học Tân Xuân B), dựng nhà ở từ năm 1991, không đủ điều kiện để giao tái định cư theo chính sách. Tuy nhiên, do khó khăn về chỗ ở, bà Lê Thị N có đơn xin mua tái định cư và được Hội đồng xét tái định cư trường hợp đặc biệt thị xã họp, thống nhất giao cho 01 lô tái định cư, thu tiền sử dụng đất theo đơn giá Quyết định 2023, 2024/QĐ-UBND ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc các cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã thu tiền sử dụng đất theo đơn giá như trên là không phù hợp, lý do trường hợp bà Lê Thị N lấn chiếm đất, phải thu tiền sử dụng đất theo đơn giá tại thời điểm giao đất. Tuy nhiên, hiện nay lô đất TĐC số 20, Cụm J2-24 bà N đã chuyển nhượng qua cho người khác và đã xây dựng nhà ở ổn định. Mặt khác, đơn tố cáo cũng không đề cập đến thửa đất này nên Ủy ban nhân dân thành phố Đ thống nhất không xem xét lại việc giao lô đất nêu trên cho bà N theo kiến nghị của Đoàn thanh tra 1318.

- Việc xét giao lô đất TĐC số 21 Cụm J2-24:

Qua buổi tiếp dân lãnh đạo ngày 06/4/2010 của ông Phan Văn Phúc - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, ngày 12/4/2010 Ủy ban nhân dân thị xã có Thông báo số 56/TB-UBND nội dung như sau: “Bà N, ngụ tại khu phố Tân Trà, phường X, có đất thu hồi để xây dựng Trường Tiểu học Tân Trà, do gia đình đông nhân khẩu nên bà đề nghị được giao 02 lô tái định cư (ngày 17/3/2010 Ủy ban nhân dân phường X có Tờ trình số 05/TTr-UBND về việc giải quyết cho bà N 01 lô tái định cư). Ủy ban nhân dân thị xã thống nhất giải quyết tái định cư, đề nghị Hội đồng xét duyệt tái định cư xem xét bán cho bà Lê Thị N 02 lô tái định cư”. Tuy nhiên, Hội đồng xét duyệt tái định cư thị xã chưa có chủ trương thuận giải quyết giao thêm 01 lô tái định cư cho bà N. Ngày 02/3/2011, Ủy ban nhân

dân phường X có Tờ trình số 11/TTr-UBND tiếp tục đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết hỗ trợ di dời nhà với số tiền 3.000.000đ cho bà Lê Thị N và giao thêm 01 lô tái định cư cho bà Lê Thị N tại lô đất TĐC số 21, Cụm J2-24, thuộc khu tái định cư Trung tâm hành chính tỉnh theo Thông báo số 56/TB-UBND ngày 12/4/2010 của Ủy ban nhân dân thị xã nêu trên. Ngày 02/7/2012, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND về việc giao lô đất tái định cư số 21, cụm J2-24 cho hộ bà N, đơn giá thu tiền sử dụng đất theo chính sách tại Quyết định số 2023-2024/QĐ-UBND ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tháng 8/2012, hộ bà N nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 21 Cụm J2-24. Trong quá trình tác nghiệp hồ sơ gặp khó khăn vướng mắc trong việc tính tiền sử dụng đất, ngày 13/11/2012 Ủy ban nhân dân thị xã có Công văn số 1233/UBND-TD giao Chi Cục thuế thị xã (nay là Chi cục Thuế khu vực Đồng Xoài - Đồng Phú) báo cáo khó khăn, vướng mắc, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết. Ngày 14/11/2012, Chi Cục Thuế thị xã có Công văn số 1577/CCT-TB trong đó nêu: Trường hợp bà N không có nhà, đất được đền bù, không đủ điều kiện để được giao đất theo chính sách và đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã xác định rõ đơn giá thu tiền sử dụng đất để Chi Cục Thuế thị xã có cơ sở thu tiền sử dụng đất cho bà N.

Ủy ban nhân dân thị xã tiếp tục có Công văn số 1337/UBND-TD ngày 30/11/2012 giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã giải quyết. Qua cuộc họp nghe Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã báo cáo, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Thông Báo số 32/TB-UBND ngày 28/01/2013 như sau: Ủy ban nhân dân phường X có Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 02/5/2011 tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 về việc giao đất tái định cư cho hộ bà N tại Lô số 21, Cụm J2-24, đơn giá thu tiền sử dụng đất theo chính sách tại Quyết định số 2023-2024/QĐ-UBND ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh là sai quy định. Ủy ban nhân dân thị xã giao Văn Phòng Hội đồng nhân dân & Ủy ban nhân dân thị xã (nay Văn Phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố) tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã ban hành quyết định điều chỉnh Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã nêu trên, thu tiền sử dụng đất theo đơn giá hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất. Ngày 01/02/2013, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị N tại Lô số 21, Cụm J2-24 (thay thế Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã), thu tiền sử dụng đất theo đơn giá hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất. Căn cứ Quyết định này, ngày 31/12/2014 Ủy ban nhân dân phường X phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã lập Biên bản giao đất tái định cư ngoài

thực địa cho hộ bà N tại Lô số 21, Cụm J2-24 nêu trên, tại biên bản này có chữ ký và chữ viết họ tên ghi: Lê Thị N. Tuy nhiên, bà N đã chết ngày 17/02/2013 và đăng ký Giấy chứng tử ngày 18/02/2013 tại Ủy ban nhân dân phường X. Như vậy, một số phòng, ban tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã nay là Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc giao đất TĐC cho bà N không đúng quy định (giao đất khi chưa có chủ trương của Hội đồng xét duyệt đất TĐC thị xã; cùng một chủ trương Ủy ban nhân dân phường X, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã đã 02 lần tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã giao cho bà Lê Thị N 02 lô đất TĐC). Thực tế bà N đã chết ngày 17/02/2013, được Ủy ban nhân dân phường X chứng tử ngày 18/02/2013, tuy nhiên ông Nguyễn Văn D - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X và ông Võ Minh T2 - Nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố) vẫn ký biên bản giao đất TĐC ngoài thực địa cho bà N ngày 31/12/2014, đây là hành vi hợp thức hóa hồ sơ giao đất TĐC cho bà N trái quy định pháp luật. Về giao tái định cư cho bà N Lô 21, Cụm J2-24: Việc Ủy ban nhân dân phường X, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao thêm cho hộ bà N Lô đất tái định cư số 21, Cụm J2-24 là không đủ tiêu chuẩn, không đảm bảo trình tự, thủ tục. Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với cá nhân sai phạm liên quan; đồng thời giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc giao đất TĐC cho bà N thuộc dự án quy hoạch trường tiểu học Tân Trà (nay là trường tiểu học Tân Xuân B). Không đồng ý, bà H (con bà N) có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Qua thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại, Ủy ban nhân dân thành phố Đ kết luận như sau:

Trường hợp bà N lấn chiếm đất trường Tiểu học Tân Trà, không đủ điều kiện tái định cư. Tuy nhiên, qua xem xét hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét duyệt tái định cư trường hợp đặc biệt của thị xã đã xét bán cho hộ bà Lê Thị N lô số 20 Cụm J2-24. Việc các cơ quan, đơn vị đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã Đ quyết định giao thêm Lô số 21, Cụm J2-24 cho bà N là không đủ tiêu chuẩn, chưa được Hội đồng xét duyệt tái định cư trường hợp đặc biệt thị xã Đ xét duyệt là chưa đảm bảo thủ tục. Việc lập biên bản giao đất tái định cư cho bà N không đúng chức năng, thẩm quyền, giả mạo chữ ký của bà Lê Thị N, hợp thức hóa hồ sơ không đảm bảo trình tự thủ tục. Do đó, Ủy ban nhân dân thành

phổ Đ ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc giao đất TĐC cho bà N thuộc dự án quy hoạch trường tiểu học Tân Trà (nay là trường tiểu học Tân Xuân B) là đúng. Việc bà H cho rằng, việc thu hồi và hủy bỏ các quyết định giao đất cho bà N nêu trên ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ hủy bỏ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 nêu trên, khôi phục lại quyền hợp pháp của bà đối với lô đất TĐC số 21, Cụm J2-24 là không có cơ sở. Ngày 07/10/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 3520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại về yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND thành phố. Lý do: Không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, việc bà H khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 3520/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đ là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác yêu cầu khởi kiện của bà H, giữ nguyên Quyết định số 3520/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Do bận công tác nên người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 2367/UBND-NC ngày 16/7/2021, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Võ Đức T thống nhất trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà H đối với Quyết định số 3520/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã tiến hành thụ lý khiếu nại và giao cơ quan chuyên môn xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại. Kết quả xác minh cho thấy nội dung vụ việc đúng như Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã trình bày. Việc bà H khiếu nại thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ là không có cơ sở xem xét, giải quyết, lý do: Bà N (mẹ ruột bà H) lấn chiếm đất của Trường phổ thông cơ sở Đồng Xoài B nên không đủ điều kiện để bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư nhưng do khó khăn về chỗ ở nên Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã giao 01 lô tái định cư trường hợp đặc biệt tại lô số 20 cụm J2-24 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hộ bà N tiếp tục được giao thêm lô đất số 21 cụm J2-24 là trái quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và

Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc giao đất tái định cư cho bà N là đúng. Qua làm việc bà H không cung cấp được hồ sơ, chứng cứ để chứng minh việc khiếu nại của mình là đúng. Do đó, Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là đúng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, ngụ tại khu phố Tân Trà, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (lần 2) đã được thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật.

Do bận công tác nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 605/UBND ngày 14/12/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường X trình bày:

Việc giao đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị N thuộc diện giải tỏa xây dựng Trường tiểu học Tân Trà (nay là trường tiểu học Tân Xuân B), được thực hiện từ năm 2009. Tuy nhiên từ năm 2009 đến nay, Ủy ban nhân dân phường X đã có sự thay đổi nhiều lần về cán bộ lãnh đạo cũng như công chức chuyên môn, nên hồ sơ lưu trữ về việc xét giao đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị N không còn lưu trữ tại địa phương. Ủy ban nhân dân phường X nhất trí theo kết luận thanh tra số 594/KL-UBND ngày 08/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố Tân Trà 2, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố Tân Trà 2, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2022 người khởi kiện bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H, vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy các Quyết định 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà H và Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là luật sư Trần Hồng B phát biểu ý kiến: Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định 1286/QĐ-UBND trên cơ sở kết luận thanh tra số 594/KL-UBND ngày 08/4/2020, kết luận này dựa trên đơn tố cáo nặc danh nhưng hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Ủy ban nhân dân phường X cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm thiếu kết quả giải quyết tố cáo nặc danh, đơn tố cáo không có ngày tháng, không có chữ ký nhưng vẫn được thụ lý giải quyết là không đúng quy định tại Điều 23, 25 và 29 Luật tố cáo. Mặt khác, gia đình bà Lê Thị N (mẹ của bà H) đã khai hoang đất từ năm 1975, người bị kiện không xác định được nhà nước quản lý đất khi nào, nên xác định bà N lấn chiếm đất là không đúng. Ngoài ra, khi bà N xin mua thêm nền thứ 2 (lô số 21, cụm J2-24) theo giá thị trường, Nhà nước có quyền cho hoặc không cho, khi nhà nước đã cho rồi nhưng vì có đơn tố cáo nặc danh không có căn cứ mà thu hồi Quyết định giao đất (nền thứ 2) cho bà N là gây thiệt thòi cho gia đình bà N. Nếu thu hồi của bà N rồi cũng bán cho người khác như vậy trong trường hợp này con của bà N là bà H xin được mua để có nơi ở ổn định và bà H đồng ý mua với giá đất hiện hành. Về thủ tục, việc cấp lô đất có sai về thủ tục hành chính thì sửa sai, bà N chết thì các con của bà N thừa kế ký lại các giấy tờ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H.

- Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước là ông Võ Đức T phát biểu ý kiến không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì căn cứ vào kết luận của thanh tra nên UBND thành phố Đ ban hành Quyết định 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc thu hồi, bãi bỏ Quyết định 2063/QĐ-UBND và Quyết định 291/QĐ-UBND là đúng.

- Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ là ông Phạm Ngọc H1 phát biểu ý kiến: quá trình thanh tra nhận thấy,

bà N được giao thêm lô thứ 2 là không đủ điều kiện. Mặc dù, Ủy ban nhân dân phường X có tờ trình nhưng Hội đồng xét duyệt chưa xét duyệt, việc ban hành quyết định nêu trên Ủy ban thấy sai thì hủy bỏ. Lô 21 bà N chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính, thủ tục xin cấp không đúng quy định; bà N mất 02/2013, các tờ khai, thủ tục cấp đất năm 2014. Kết luận thanh tra đúng quy định pháp luật, không bị khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy các Quyết định 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà H và Quyết định số 725/QĐ-UBND, ngày 22/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là Hoa kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định giải quyết khiếu nại số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H.

Đây là các quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật tố tụng hành chính.

Bà H khởi kiện đối với các quyết định hành chính hành chính nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Trên cơ sở báo cáo xác minh số 222/BC-T.Tr ngày 15/9/2020 của Thanh tra thành phố Đ, báo cáo xác minh số 28/BC-T.Tr ngày 09/3/2021 của Thanh tra tỉnh Bình Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Về nội dung:

[4.1] Năm 1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (cũ) ban hành Quyết định số 183/QĐ-UB ngày 03/8/1991 về việc giao đất vào thu hồi đất, trong đó thu hồi 9.975m² tại ấp Tân Trà (nay là khu phố Tân Trà, phường X), giao cho Trường phổ thông cơ sở Đồng Xoài B làm trường học (sau này đổi tên là trường Tiểu học Tân Trà). Trong diện tích đất thu hồi này bị hộ bà Lê Thị N lấn chiếm diện tích khoảng 738m² làm căn nhà tạm, diện tích 9,5m x 5m = 47,5m². Từ năm 1996, 1997, 1998, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (cũ) đã lập các biên bản yêu cầu bà N tháo dỡ nhà, di dời trả lại đất lấn chiếm cho trường Tiểu học Tân Trà sử dụng. Ngày 26/5/1998, Ủy ban nhân dân thị trấn Đ ban hành Quyết định số 33/QĐ-XL về xử lý vi phạm hành chính đối với bà N với hình thức phạt tiền là 200.000đ, ngoài ra còn áp dụng hình thức xử lý bổ sung buộc bà N chuyển nhà ở. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, diện tích đất 738m² nêu trên là do gia đình bà N lấn chiếm trái phép.

[4.2] Tại điểm a khoản 1 Điều 43 và khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 quy định về những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường, gồm: “Đất chưa sử dụng bị lấn, chiếm”, nên bà N không đủ điều kiện để được giao đất

tái định cư (do đất bà N bị thu hồi là đất lấn chiếm). Do vậy, việc Hội đồng xét tái định cư trường hợp đặc biệt thị xã hợp, thống nhất giao cho bà N 01 lô tái định cư số 20, Cụm J2-24, thu tiền sử dụng đất theo đơn giá Quyết định 2023/QĐ-UBND, 2024/QĐ-UBND ngày 25/10/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do lô đất tái định cư nêu trên bà N đã chuyển nhượng cho người khác và đã xây dựng nhà ở ổn định, nên Ủy ban nhân dân thành phố Đ thống nhất không xem xét lại việc giao lô đất số 20, Cụm J2-24 là có lợi cho bà N.

[4.3] Đối với lô đất tái định cư lô số 21: tại Thông báo của Ủy ban nhân dân thị xã Đ, và Tờ trình của Ủy ban nhân dân phường X, năm 2012, bà N được Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao thêm 01 lô đất tái định cư số 21, Cụm J2-24 khu tái định cư Trung tâm hành chính tỉnh thuộc trường hợp đặc biệt theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND và sau đó ngày 01/02/2013, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 291/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị N tại Lô số 21, Cụm J2-24 (thay thế Quyết định số 2063/QĐ-UBND), thu tiền sử dụng đất theo đơn giá hiện hành tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, Hội đồng xét duyệt tái định cư thị xã Đ chưa có chủ trương giải quyết thêm 01 nền tái định cư cho bà N.

[4.4] Ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân phường X phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã lập Biên bản giao đất tái định cư ngoài thực địa cho hộ bà N tại Lô số 21, Cụm J2-24, tại biên bản này có chữ ký và chữ viết họ tên ghi: Lê Thị N. Ngoài ra, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ và bản trích lục địa chính được xác lập theo yêu cầu điều thể hiện người kê khai, người yêu cầu là bà N và chữ ký của bà N. Tuy nhiên, bà N đã chết ngày 17/02/2013 và được đăng ký khai tử ngày 18/02/2013 tại Ủy ban nhân dân phường X. Như vậy, các phòng, ban tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc giao đất tái định cư cho bà Lê Thị N là không đúng quy định, vì giao đất khi chưa có chủ trương của Hội đồng xét duyệt đất tái định cư thị xã Đ; Cùng một chủ trương Ủy ban nhân dân phường X, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ đã 02 lần tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho bà Lê Thị N 02 lô đất tái định cư; Bà N không thuộc trường hợp được cấp tái định cư theo điểm a khoản 1 Điều 43 và khoản 6 Điều 38 Luật đất đai năm 2003. Mặt khác, thực tế bà N đã chết ngày 17/02/2013, nhưng ông Nguyễn Văn D - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X và ông Võ Minh T2 - Nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai thị xã vẫn ký biên bản giao đất tái định cư ngoài thực địa cho bà N vào ngày 31/12/2014 là trái quy định pháp luật, nên việc giao

thêm cho hộ bà N lô đất tái định cư số 21, Cụm J2-24 là không đủ tiêu chuẩn, không đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 thu hồi, bãi bỏ Quyết định số 2063/QĐ-UBND và Quyết định số 291/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ, nên Quyết định số 3520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà H với nội dung bác khiếu nại là đúng quy định pháp luật và Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước bác khiếu nại lần 2 của bà H là có cơ sở.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu, theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí của Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Áp dụng vào các Điều 7, Điều 9, Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, và Điều 41 của Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; điểm a khoản 1 Điều 43 và khoản 6 Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

- Bác yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3520/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố Tân Trà 2, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 725/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố Tân Trà 2, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (lần 2).

2. Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019791 ngày 20/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Phước (1);
- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Phước (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP(5), 15b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình